

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
tỉnh Bình Dương khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

1. Sự cần thiết ban hành

Nhiệm kỳ 2016 - 2021, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015. Tuy nhiên, do các Luật nói trên mới có hiệu lực thi hành, nhiều nội dung chưa được quy định hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thi hành cụ thể nên gây khó khăn nhất định cho tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Vì vậy để tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 (gọi tắt là Quy chế) trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

2. Căn cứ pháp lý ban hành

Nội dung Tờ trình, dự thảo nghị quyết được xây dựng trên cơ sở căn cứ các quy định với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Nội dung của Quy chế

Quy chế gồm có 12 chương 74 điều, quy định cụ thể hóa những nội dung liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, bao gồm:

- Chương I: Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (Điều 1 đến Điều 5);

- Chương II: Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (Điều 6 đến Điều 9);
- Chương III: Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh (Điều 10 đến Điều 22);
- Chương IV: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Điều 23 đến Điều 33);
- Chương V: Kỳ họp Hội đồng nhân dân (Điều 34 đến Điều 47);
- Chương VI: Hoạt động tiếp xúc cử tri (Điều 48 đến Điều 56);
- Chương VII: Hoạt động tiếp công dân (Điều 57 đến Điều 59);
- Chương VIII: Hoạt động giám sát (Điều 60);
- Chương IX: Quan hệ giữa Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh (Điều 61 đến Điều 63);
- Chương X: Quan hệ giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận (Điều 64 đến Điều 67);
- Chương XI: Những bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh (Điều 68 đến Điều 73);
- Chương XII: Điều khoản thi hành (Điều 74).

(Có Quy chế kèm theo).

Trên đây là Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. *vu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Cành
Phạm Văn Cành



Bình Dương, ngày 01 tháng 8 năm 2016

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 49/TTr-HĐND
ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 1.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (gọi tắt là đại biểu) là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân trong tỉnh, gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của nhà nước, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật, chính sách và tham gia vào việc quản lý nhà nước.

2. Đại biểu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Luật Tổ chức Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Đại biểu có nhiệm vụ tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi đại biểu ứng cử, trường hợp không thể tham dự được phải báo cáo trước với Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (gọi tắt là Tổ trưởng Tổ đại biểu) lý do vắng mặt.

Điều 2.

1. Khi nhận được thông báo về thời gian, dự kiến chương trình và tài liệu kỳ họp, đại biểu phải nghiên cứu tài liệu, tiếp xúc cử tri, tham gia các hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuẩn bị cho kỳ họp.

2. Trong kỳ họp, đại biểu có những nhiệm vụ sau đây:

- a) Tham gia thảo luận và quyết định chương trình kỳ họp;
- b) Thảo luận tại phiên họp toàn thể Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận ở Tổ về các vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp;
- c) Biểu quyết thông qua những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp.

Điều 3.

1. Trách nhiệm và quyền hạn của đại biểu HĐND tỉnh được quy định tại Điều 93 đến 100 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Đại biểu là thành viên Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh (gọi tắt là Ban) có nhiệm vụ tham gia các cuộc họp, thảo luận, biểu quyết các vấn đề và tham gia các hoạt động khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban mà mình là thành viên.

3. Khi được mời tham gia Đoàn giám sát của Thường trực, của Ban để tiến hành hoạt động giám sát, khảo sát ở địa phương nơi đại biểu ứng cử thì đại biểu có trách nhiệm tham gia. Trường hợp đại biểu không tham gia được thì phải

báo cáo trước với Trưởng đoàn giám sát và Tổ trưởng Tổ đại biểu lý do vắng mặt.

4. Đại biểu HĐND tỉnh thường xuyên kiểm tra hộp thư điện tử được cấp và truy cập trang tin điện tử của HĐND tỉnh để cập nhật kịp thời thông tin liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đại biểu. Khai thác hiệu quả máy tính bảng được trang cấp để phục vụ cho việc nghiên cứu và tra khảo thông tin liên quan đến kỳ họp HĐND tỉnh.

Điều 4. Đại biểu phải không ngừng nâng cao kiến thức, kỹ năng hoạt động đại biểu, nắm vững chủ trương, chính sách pháp luật để thực hiện nhiệm vụ của người đại biểu, vận động nhân dân thực hiện chính sách pháp luật của nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ dành riêng cho đại biểu.

Điều 5. Việc thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ, mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân và bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo Điều 101 và 102 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Chương II **TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 6.

1. Tổ đại biểu do Thường trực HĐND quyết định thành lập. Các đại biểu được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu. Số lượng, danh sách thành viên, Tổ trưởng, Tổ phó và Thư ký của Tổ đại biểu do Thường trực quyết định. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu, Tổ phó giúp Tổ trưởng thực hiện những việc được phân công.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu được thực hiện theo Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Khi đại biểu chuyển công tác hoặc nơi cư trú đến địa phương khác trong tỉnh, đại biểu đó có thể chuyển sinh hoạt đến Tổ đại biểu nơi mình công tác hoặc cư trú. Đại biểu có đơn chuyển sinh hoạt Tổ đại biểu gửi đến Thường trực. Thường trực quyết định việc chuyển sinh hoạt Tổ của đại biểu và thông báo tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tổ đại biểu nơi đại biểu chuyển đi và nơi đại biểu chuyển đến sinh hoạt.

Điều 7. Tổ đại biểu họp ít nhất mỗi quý một lần để bàn kế hoạch công tác, tổ chức nghiên cứu pháp luật, chính sách của nhà nước. Thành viên Tổ đại biểu có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu; trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo lý do với Tổ trưởng Tổ đại biểu.

Điều 8.

1. Căn cứ Kế hoạch của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh, trước kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến và nguyện vọng của cử tri; tổ chức họp để nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp. Sau kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu tổ chức để các đại biểu tiếp xúc, báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp.

2. Trong kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu có trách nhiệm đôn đốc để các đại biểu trong tổ thực hiện chương trình làm việc, nội quy và những quy định khác về kỳ họp và tổ chức các hoạt động của Tổ đại biểu.

3. Cuộc họp Tổ đại biểu phải được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 9. Khi được mời tham gia Đoàn giám sát của Thường trực, của Ban tiến hành giám sát, khảo sát ở địa phương, Tổ đại biểu có trách nhiệm tham gia. Tổ trưởng Tổ đại biểu quyết định toàn bộ thành viên cùng tham gia hoặc cử một số thành viên tham gia Đoàn giám sát theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

Chương III

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 10. Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội.

Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của các Ban thực hiện theo Điều 18 và Điều 108, 109, 110 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 11.

1. Các Ban hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, các thành viên của Ban chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

2. Hiệu quả hoạt động của Ban được bảo đảm bằng hiệu quả của các cuộc họp, hoạt động của các thành viên chuyên trách, hoạt động giám sát, khảo sát và hoạt động của các thành viên Ban.

3. Các Ban chịu sự chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động của Thường trực HĐND, Chủ tịch HĐND trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

4. Các cuộc họp, giám sát của Ban phải được ghi biên bản, ban hành thông báo và gửi đến Thường trực HĐND, các cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 12.

1. Căn cứ vào Nghị quyết và Chương trình, Kế hoạch hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và của Thường trực, Ban xây dựng chương trình công tác của mình.

2. Ban họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban.

Điều 13.

1. Trưởng ban có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;

b) Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban;

c) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên

hệ với Thường trực, các Ban khác, các cơ quan, tổ chức trong tỉnh và Trung ương đồng trên địa bàn;

d) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân tỉnh, với Thường trực;

đ) Tham dự các cuộc họp do Thường trực triệu tập; thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức mời;

e) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban;

g) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả hoạt động, giám sát của Ban tại kỳ họp.

h). Chỉ đạo công tác chuyên môn đối với chuyên viên trực tiếp giúp việc Ban;

i). Giải quyết các công việc khác của Ban và báo cáo với Ban tại cuộc họp toàn thể gần nhất.

2. Phó Trưởng ban chuyên trách có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc thuộc lĩnh vực của Ban phụ trách;

b) Dự kiến chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban trình Ban xem xét, quyết định;

c) Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động, quyết định và kết luận của Ban;

d) Chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ hoạt động của Ban; cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho thành viên của Ban; căn cứ kết quả cuộc họp của Ban, chuẩn bị báo cáo thẩm tra, các báo cáo khác của Ban trình Thường trực và Hội đồng nhân dân tỉnh;

đ) Thẩm tra sơ bộ dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác để trình Ban họp xem xét thông qua trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

e) Chuẩn bị ý kiến của Ban về những nội dung trong chương trình phiên họp của Thường trực khi được mời tham dự; tham gia các hoạt động của các Ban khác và của các cơ quan, tổ chức liên quan;

g) Tổ chức thực hiện sự chỉ đạo, điều hoà, phối hợp của Thường trực đối với hoạt động của Ban; định kỳ báo cáo với Ban về hoạt động của mình;

h) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả hoạt động, giám sát của Ban tại kỳ họp (khi được Trưởng ban uỷ quyền).

i) Chỉ đạo công tác chuyên môn đối với chuyên viên trực tiếp giúp việc Ban;

k) Giải quyết các công việc khác của Ban và báo cáo với Ban tại cuộc họp toàn thể gần nhất.

Điều 14.

1. Khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban uỷ

quyền điều hành công việc của Ban;

2. Được quyền ký các văn bản của Ban và tổ chức các hoạt động của Ban khi Trưởng ban phân công.

Điều 15.

1. Ban tổ chức cuộc họp toàn thể để thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác trình Thường trực và Hội đồng nhân dân tỉnh; xem xét, quyết định những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban.

2. Thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự cuộc họp của Ban theo giấy triệu tập của Trưởng ban; thảo luận và biểu quyết các vấn đề xem xét tại cuộc họp; trường hợp không tham dự cuộc họp thì phải báo cáo lý do với Trưởng ban.

Điều 16.

1. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Ban tổ chức họp, hoàn thành việc thẩm tra báo cáo, dự thảo nghị quyết, đề án và các nội dung khác, gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban có thể cử thành viên tham gia nghiên cứu báo cáo, dự thảo nghị quyết, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan liên quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác

3. Việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác được thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 78 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

4. Nội dung của báo cáo thẩm tra phải nêu được ý kiến đánh giá của Ban về dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; những vấn đề được Ban nhất trí, không nhất trí và còn có ý kiến khác nhau, những kiến nghị sửa đổi, bổ sung.

Điều 17.

1. Căn cứ vào ý kiến tại phiên họp thẩm tra, Trưởng ban trực tiếp hoặc phân công Phó Trưởng ban hoàn thiện báo cáo thẩm tra trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

2. Báo cáo thẩm tra phải phản ánh đầy đủ ý kiến của thành viên Ban.

3. Báo cáo thẩm tra của Ban được trình bày trước Hội đồng nhân dân tỉnh bằng văn bản do Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban được Trưởng ban uỷ nhiệm thực hiện.

Điều 18.

1. Tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm, Ban gửi báo cáo công tác của mình đến đại biểu. Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, Ban gửi báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ của mình đến đại biểu.

2. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận báo cáo công tác của Ban.

Điều 19.

1. Ban có trách nhiệm gửi báo cáo cho Thường trực về chương trình và kết quả hoạt động hàng quý của mình.

2. Ban có trách nhiệm cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban hoặc thành viên tham gia hoạt động của Thường trực khi có yêu cầu.

Điều 20. Các Ban giữ mối liên hệ thường xuyên, phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan với Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban tương ứng của Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố; thực hiện việc giám sát và hướng dẫn hoạt động đối với Hội đồng nhân dân cấp dưới theo sự phân công của Thường trực.

Điều 21. Khi tiến hành hoạt động tại các địa phương, Ban thông báo cho Tổ đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở địa phương biết để phối hợp hoạt động.

Điều 22. Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban yêu cầu và tạo điều kiện để Ban hoàn thành nhiệm vụ.

Chương IV

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 23.

1. Thường trực hoạt động thường xuyên, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số; tổ chức các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực ban hành văn bản cá biệt để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Các thành viên Thường trực chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực trước Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực về nhiệm vụ, quyền hạn được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

3. Hiệu quả hoạt động của Thường trực được bảo đảm bằng hiệu quả của các phiên họp của Thường trực, hoạt động của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (gọi tắt là Chủ tịch), Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (gọi tắt là Phó Chủ tịch), các Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh cùng với sự tham gia của các Ban, các Tổ đại biểu và các đại biểu.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực và các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được quy định tại Điều 104, 105 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 25. Thường trực HĐND tỉnh mỗi tháng họp một lần, họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khi xét thấy cần thiết. Việc tổ chức phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh thực hiện theo Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 26. **Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực trong việc chuẩn bị, triệu tập kỳ họp**

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng nhân dân, đề nghị của UBND tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu.

2. Quyết định triệu tập kỳ họp, thông báo dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp theo quy định tại Điều 80 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri để báo cáo tại kỳ họp.

4. Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu và thực hiện việc trả lời chất vấn theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội, HĐND.

5. Chỉ đạo, đôn đốc việc chuẩn bị các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực khi Chủ tọa kỳ họp

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chủ tọa điều khiển phiên họp theo chương trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chương trình khi cần thiết.

3. Dự kiến các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc cuộc họp Tổ đại biểu.

4. Bảo đảm thảo luận dân chủ, tạo điều kiện để các đại biểu đóng góp ý kiến; dành thời gian thỏa đáng cho việc chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp.

5. Chỉ đạo việc tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu tại phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh và tại cuộc họp Tổ đại biểu.

6. Chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến của đại biểu và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

7. Điều hành để Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 28. Sau mỗi kỳ họp, xét thấy cần thiết thì Thường trực tổ chức việc xem xét, đánh giá, rút kinh nghiệm về kỳ họp với sự tham gia của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban, Thư ký kỳ họp và các cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 29. Trong việc đôn đốc, kiểm tra và giám sát Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan khác của nhà nước ở địa phương thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác của nhà nước trên địa bàn tỉnh báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Khi phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân trong tỉnh, Thường trực có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan nhà nước liên quan trong tỉnh áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với Thường trực.

4. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực có thể trình ra kỳ họp gần nhất hoặc triệu tập kỳ họp bất thường để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp; xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực trong việc chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động các Ban

1. Phân công Ban thẩm tra báo cáo, dự thảo nghị quyết, đề án và các nội dung khác trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Phân công Ban tham gia hoạt động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số công việc khác.

3. Phân công Ban thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và của Thường trực.

4. Chỉ đạo, điều hoà, phối hợp chương trình hoạt động của các Ban và đôn đốc các Ban hoạt động.

5. Tham dự cuộc họp của các Ban và phát biểu ý kiến tại cuộc họp của các Ban.

6. Tổ chức và chủ trì các cuộc họp hàng tháng của Thường trực với các Trưởng ban, Phó Trưởng ban.

7. Tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân và các Ban bàn các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 31. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ và chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trước kỳ họp thường lệ cuối năm, Thường trực HĐND tỉnh thông báo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu và các cơ quan liên quan để chuẩn bị ý kiến đóng góp về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ của năm sau; đảm bảo trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với những nội dung liên quan.

Trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu trên, Thường trực HĐND lập kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ của năm sau trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp cuối năm.

2. Việc xây dựng, thực hiện Chương trình giám sát của HĐND tỉnh thực hiện theo Điều 58 Luật Hoạt động giám sát Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực trong việc giữ mối liên hệ với đại biểu, Tổ đại biểu

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu tổ chức đề đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri;

2. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh theo dõi, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri do Tổ đại biểu gửi đến để chuyển cho cơ quan nhà nước, tổ chức liên quan xem xét, giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết; báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh những ý kiến, kiến nghị đó và kết quả giải quyết của các cơ quan, tổ chức liên quan.

3. Tổ chức đề đại biểu nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, các văn bản quy phạm pháp luật khác, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu.

Điều 33.

1. Thường trực có trách nhiệm tạo điều kiện cho Đoàn công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đoàn công tác của Chính phủ khi đến địa phương công tác.

2. Thường trực gửi báo cáo hàng quý, sáu tháng và cả năm về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

3. Thường trực giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh. Định kỳ cuối quý 1 và quý 3, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nghe Ủy ban nhân dân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của tỉnh báo cáo về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân do đại biểu Quốc hội. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh chuyển đến.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức giao ban, hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Chương V

KỶ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 34.

1. Kỳ họp là hình thức hoạt động chủ yếu của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung, hình thức kỳ họp HĐND tỉnh được thực hiện theo quy định

của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 35. Biên bản

1. Kỳ họp và các phiên họp toàn thể Hội đồng nhân dân tỉnh, các phiên họp của Thường trực, các Ban, các cuộc họp Tổ thảo luận tại kỳ họp, họp Tổ đại biểu phải được ghi biên bản.

2. Biên bản kỳ họp ghi tổng hợp nội dung và quá trình diễn biến của kỳ họp, ghi đầy đủ những ý kiến phát biểu, kết luận, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại các phiên họp và những ý kiến bằng văn bản của đại biểu được chuyển đến Đoàn thư ký kỳ họp.

3. Biên bản các phiên họp của Thường trực, các Ban phải được ghi đầy đủ những ý kiến phát biểu, kết luận, kết quả biểu quyết tại phiên họp và những ý kiến bằng văn bản của đại biểu được chuyển đến Thường trực, các Ban.

4. Biên bản các cuộc họp Tổ thảo luận. Tổ đại biểu phải được ghi đầy đủ những ý kiến phát biểu của đại biểu và những ý kiến bằng văn bản của đại biểu được chuyển đến Tổ thảo luận, Tổ đại biểu.

Điều 36. Kỳ họp cuối cùng

Kỳ họp cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất là bốn mươi lăm ngày trước khi Hội đồng nhân dân khoá mới được bầu xong. Tại kỳ họp này, ngoài những nội dung của kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân, Thường trực, các Ban, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Đoàn Hội thẩm nhân dân báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ hoạt động của mình.

Điều 37. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo việc tiếp công dân và tiếp nhận kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân trong thời gian diễn ra kỳ họp Hội đồng nhân dân. Trong kỳ họp, đối với những vấn đề khiếu nại, tố cáo có liên quan đến địa bàn ứng cử và lĩnh vực phụ trách của đại biểu nào thì theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân, Tổ trưởng các Tổ đại biểu trên địa bàn hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân đó có trách nhiệm tiếp công dân hoặc tham dự vào việc tiếp công dân cùng với cơ quan hữu quan được phân công thụ lý công việc.

Điều 38. Thời gian chuẩn bị kỳ họp

1. Chậm nhất là 40 ngày làm việc trước khi triệu tập kỳ họp thường lệ, căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Ban và đại biểu, Thường trực tổ chức họp liên tịch đề dự kiến chương trình làm việc

của kỳ họp; xem xét việc chuẩn bị các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp và quyết định những vấn đề khác liên quan đến kỳ họp.

2. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan hữu quan có trách nhiệm gửi các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp đến Thường trực và các Ban. Quy trình, thủ tục, thời gian gửi tài liệu của các cơ quan để phục vụ cho kỳ họp đảm bảo thực hiện theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với những nội dung mang tính quy phạm.

3. Chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực chuyên bản tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước hữu quan để nghiên cứu trả lời, giải trình những vấn đề bức xúc trước Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

4. Chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực gửi đến đại biểu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo thẩm tra của các Ban và các tài liệu liên quan.

Điều 39. Khách mời tham dự kỳ họp thực hiện theo Điều 81 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các thành phần tham dự khác do Thường trực HĐND tỉnh quyết định. Danh sách khách mời, chế độ sử dụng tài liệu của khách mời do Thường trực quyết định theo đề nghị của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 40. Tài liệu kỳ họp thực hiện theo Điều 92 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 41. Chương trình kỳ họp thực hiện theo Điều 79 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 42. Thảo luận tại kỳ họp

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và quyết định các vấn đề trong chương trình kỳ họp tại các phiên họp trước ngày khai mạc kỳ họp. Thường trực HĐND chỉ đạo việc thảo luận tại các Tổ đại biểu các văn kiện trình kỳ họp; tổng hợp ý kiến của đại biểu để báo cáo HĐND. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thảo luận tại Tổ, các Ban hoặc tại Tổ đại biểu.

2. Tại kỳ họp, Chủ tịch có thể mời Trưởng ban, Phó Trưởng Ban các Ban và thành viên khác có liên quan để trao đổi những vấn đề cần thiết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Việc thảo luận tại Tổ do Tổ trưởng chủ trì. Việc thành lập Tổ, chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó các Tổ thảo luận do Thường trực quyết định.

4. Việc thảo luận tại Tổ đại biểu do Tổ trưởng Tổ đại biểu chủ trì.

Điều 43. Việc thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn thực hiện theo quy định tại Điều 90 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 60, 84 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND. Thời gian nêu chất vấn và trả lời chất vấn do Chủ tọa quy định phù hợp với chương trình, nội dung kỳ họp. Kết thúc phiên chất vấn, Chủ tọa kỳ họp có nhận xét, đánh giá mặt được, chưa được của từng vấn đề và nêu hướng chỉ đạo để tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

Điều 44. Nội dung thông qua kỳ họp thường lệ

1. Căn cứ theo quy định của pháp luật, thẩm quyền của HĐND tỉnh và tình hình thực tế của địa phương, Thường trực HĐND chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp và trình HĐND quyết định.

2. Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm sau được thông qua vào kỳ họp thường lệ giữa năm, kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của năm sau được thông qua kỳ họp thường lệ cuối năm trước.

3. Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo của cơ quan nhà nước hữu quan, ra nghị quyết về những vấn đề Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét.

Điều 45.

1. Thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo thực hiện theo Điều 85 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Căn cứ vào kết quả thảo luận, Chủ tọa kỳ họp chỉ đạo Thư ký kỳ họp và các cơ quan hữu quan tiếp thu ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án.

Điều 46. Biểu quyết

1. Chủ tọa phiên họp nêu rõ nội dung cần biểu quyết trước khi biểu quyết. Việc biểu quyết thực hiện theo Điều 91 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Trong trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua thì Chủ tọa phiên họp tự mình hoặc theo đề nghị của đại biểu, cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án xem xét, quyết định việc biểu quyết lại.

Điều 47. Ban hành nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp thực hiện theo Điều 86 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI

Điều 48.

1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và huyện, thị xã, thành phố và Tổ đại biểu có trách nhiệm tổ chức để đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri về những vấn đề thuộc chương trình, nội dung kỳ họp và ý kiến, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước liên quan ở địa phương.

2. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu có trách nhiệm làm báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và gửi đến Thường trực.

3. Chậm nhất là 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố và Tổ đại biểu có trách nhiệm tổ chức để đại biểu tiếp xúc cử tri báo cáo kết quả kỳ họp, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghị quyết đó.

4. Ít nhất mỗi năm một lần, kết hợp với việc tiếp xúc cử tri, đại biểu báo cáo với cử tri ở đơn vị bầu ra mình về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và hoạt động của mình trong năm, nhiệm vụ năm tới và thực hiện chương trình hành động của mình đã hứa trước cử tri; trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

Cử tri có thể thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc trực tiếp bày tỏ ý kiến nhận xét của mình tại hội nghị tiếp xúc cử tri về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và của đại biểu. Tổ đại biểu và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Thường trực về nhận xét của cử tri.

5. Ngoài những đợt tiếp xúc cử tri theo định kỳ trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu có thể tiếp xúc cử tri nơi cư trú, nơi làm việc hoặc theo chuyên đề. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh giúp đại biểu hoặc đại biểu tự liên hệ với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm giúp đại biểu thực hiện việc tiếp xúc cử tri.

6. Đại biểu có thể trực tiếp gặp gỡ cử tri để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri và những vấn đề mà đại biểu quan tâm; chuyển những kiến nghị của cử tri đến Tổ đại biểu và Thường trực để tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, gửi tới cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Điều 49.

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh với đại biểu Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có thể phối hợp cùng tiếp xúc cử tri.

2. Thường trực phối hợp với Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã, thành phố dự kiến chương trình, thời gian, địa điểm tiếp xúc cử tri.

Điều 50.

1. Căn cứ vào chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, tình hình thực tế, Thường trực chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri hàng năm.

2. Thường trực gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu, đồng thời thông báo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi tiếp xúc cử tri để thực hiện.

Điều 51.

1. Trên cơ sở kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực, Tổ trưởng Tổ đại biểu xây dựng chương trình tiếp xúc cử tri của Tổ đại biểu và phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri. Chương trình, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri phải được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương để nhân dân biết tham gia.

2. Tổ đại biểu hợp phân công đại biểu tiếp xúc cử tri tại các đơn vị bầu cử, bảo đảm tính hiệu quả, thiết thực trong việc tiếp xúc cử tri. Trong trường hợp không thể tiếp xúc cử tri, đại biểu báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu.

3. Tổ trưởng Tổ đại biểu gửi chương trình tiếp xúc cử tri, tổng hợp và báo cáo với Thường trực về việc tiếp xúc cử tri của đại biểu trong Tổ, báo cáo với cử tri về việc tham gia tiếp xúc cử tri của đại biểu được bầu tại đơn vị bầu cử đó.

Điều 52. Thành phần hội nghị tiếp xúc cử tri

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân ứng cử trên địa bàn.

2. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã, thành phố; đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn nơi tiếp xúc cử tri. Tùy theo đặc điểm tình hình ở mỗi địa phương, Thường trực HĐND tỉnh hoặc Tổ đại biểu HĐND có thể yêu cầu đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện, sở, ngành tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện cùng tham gia.

3. Đại diện Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Cử tri trực tiếp làm việc, học tập tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế; cử tri ở khu phố, ấp.

Điều 53. Nội dung và trình tự Hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp

1. Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn; nếu là hội nghị tiếp xúc cử tri ở cơ quan thì đại diện Ban chấp

hành công đoàn cơ quan chủ trì hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần đại biểu, chương trình, nội dung hội nghị và cử thư ký ghi biên bản hội nghị.

2. Đại biểu báo cáo với cử tri những vấn đề sau đây:

a) Dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp đối với hội nghị tiếp xúc cử tri trước kỳ họp; kết quả kỳ họp và kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp;

b) Việc triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở tỉnh;

c) Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, hoạt động của đại biểu trong năm, nhiệm vụ năm tới và thực hiện chương trình hành động của mình đã hứa trước cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp cuối năm;

3. Cử tri phát biểu ý kiến.

4. Đại diện Ủy ban nhân dân, cơ quan, tổ chức liên quan phát biểu, trả lời những vấn đề cử tri nêu lên thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

5. Đại biểu phát biểu, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri.

6. Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn phát biểu kết thúc hội nghị, nếu là hội nghị tiếp xúc cử tri ở cơ quan thì đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ quan phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

7. Tùy theo tình hình cụ thể, Thường trực HĐND sẽ có hướng dẫn cụ thể về nội dung tiếp xúc cử tri.

Điều 54. Tổ chức Hội nghị tiếp xúc cử tri nơi cư trú

1. Đại biểu trực tiếp hoặc thông qua Thường trực liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi đại biểu cư trú để tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri.

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi đại biểu cư trú phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri thông báo rộng rãi cho cử tri nơi đại biểu đề nghị tiếp xúc biết về nội dung, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại biểu cư trú có trách nhiệm tạo điều kiện và bảo đảm trật tự, an toàn cho cuộc tiếp xúc cử tri.

Điều 55. Tổ chức Hội nghị tiếp xúc cử tri nơi làm việc

1. Đại biểu liên hệ với Ban chấp hành công đoàn, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri;

2. Ban chấp hành công đoàn nơi đại biểu làm việc phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri và thông báo cho cử tri trong cơ quan, tổ chức, đơn vị biết về nội dung, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri; nơi nào không có tổ chức công đoàn thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri;

Điều 56.

1. Sau mỗi đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã, thành phố nếu

là tiếp xúc cử tri ở nơi làm việc thì Ban chấp hành công đoàn chủ trì, phối hợp với đại biểu chuẩn bị báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và gửi đến Thường trực và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt tiếp xúc cử tri.

2. Sau đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri như sau:

a) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức cấp tỉnh được tổng hợp và gửi đến Thường trực và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

b) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức huyện, thị xã, thành phố được tổng hợp và gửi đến cơ quan, tổ chức đó để giải quyết, đồng thời gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã, thành phố;

c) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương được tổng hợp, gửi đến Thường trực và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh để xem xét chuyển cho các cơ quan Trung ương.

3. Nếu là tiếp xúc cử tri do đại biểu tự mình thực hiện thì sau khi kết thúc đợt tiếp xúc cử tri trong thời hạn 5 ngày, đại biểu tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri gửi về Thường trực HĐND tỉnh và Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Chương VII **HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN**

Điều 57.

1. Đại biểu có trách nhiệm tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo Điều 95 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Tiếp công dân.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi đại biểu công tác có trách nhiệm tạo điều kiện để đại biểu có thời gian tiếp công dân, tiếp nhận, chuyên đơn, đơn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

3. Đại biểu tiếp công dân nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của công dân; giải thích, tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho công dân; hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo và nhận đơn thư của công dân để chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 58.

1. Thường trực có trách nhiệm tổ chức và bảo đảm điều kiện, cơ sở vật chất cho việc tiếp công dân của đại biểu.

2. Danh sách, kế hoạch, thời gian tiếp công dân của đại biểu được niêm yết tại nơi tiếp công dân.

3. Thường trực gửi kế hoạch tiếp công dân đến Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và mời đại diện các cơ quan này tham dự các buổi tiếp công dân.

Điều 59.

1. Đại biểu tiếp công dân phải tổng hợp ý kiến, kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân để báo cáo Thường trực.

2. Thường trực có trách nhiệm giúp Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, đơn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân và phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng.

Chương VIII

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Điều 60.

1. Giám sát của Hội đồng nhân dân bao gồm giám sát của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp, giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Việc thực hiện giám sát của các chủ thể giám sát thực hiện theo Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Chương IX

QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN HÒND TỈNH VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 61. Thường trực, các Ban phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác trình Hội đồng nhân dân tỉnh; giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách địa phương, tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp.

Điều 62.

1. Đại diện Thường trực được mời dự các cuộc họp hàng tháng và các cuộc họp khác của Ủy ban nhân dân tỉnh bàn việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách địa phương và các nhiệm vụ khác, các cuộc họp tổng kết công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đại diện Ban được mời dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về những vấn đề có liên quan.

3. Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh được mời dự các cuộc họp hàng tháng và các cuộc họp khác của Thường trực khi xét thấy cần thiết. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được mời dự các cuộc họp của Thường trực về những vấn đề liên quan.

4. Đại diện Ủy ban nhân dân, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được mời dự các cuộc họp của Ban khi bàn về những vấn đề có liên quan.

Điều 63.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm cung cấp cho Thường trực, Ban và Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành.

2. Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, cơ quan, tổ chức liên quan ở địa phương có trách nhiệm báo cáo và cung cấp các tài liệu liên quan khi có yêu cầu của Hội đồng nhân dân. Thường trực và các Ban.

Chương X

QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH VÀ CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN CỦA MẶT TRẬN

Điều 64.

1. Quan hệ giữa Hội đồng nhân dân với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh là quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để cùng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Thường trực phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh ban hành quy chế phối hợp công tác.

2. Mỗi năm 02 lần vào giữa năm và cuối năm, Thường trực thông báo bằng văn bản đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, nêu những kiến nghị với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

3. Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được mời dự kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh để thông báo về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tham gia xây dựng chính quyền, về những ý kiến, kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và đại biểu.

4. Đại diện Thường trực được mời dự cuộc họp của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cuộc họp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Điều 65.

1. Thường trực chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu.

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phân công cho cơ quan cấp dưới chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri và phối hợp với Thường trực tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp.

Điều 66.

1. Thường trực phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh theo dõi hoạt động của đại biểu và giúp đại biểu làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh thường xuyên giám sát tiêu chuẩn đại biểu và việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu.

3. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đề nghị Hội

đồng nhân dân tỉnh bổ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, đề nghị bãi nhiệm đại biểu không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 67. Thường trực và các Ban mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh tham gia các hoạt động giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực, các Ban khi xét thấy cần thiết; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề quan trọng của tỉnh.

Chương XI **NHỮNG BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 68.

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh là một khoản trong ngân sách tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Thường trực và thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 69. Đại biểu được hưởng các chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13, ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số chế độ, định mức chi phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

Điều 70.

1. Đại biểu đương nhiệm được cấp và sử dụng Giấy chứng nhận đại biểu, thẻ đại biểu.

2. Khi làm nhiệm vụ đại biểu, đại biểu xuất trình Giấy chứng nhận đại biểu, thẻ đại biểu khi có yêu cầu.

Điều 71.

1. Đại biểu là cán bộ, công chức nhà nước vi phạm kỷ luật phải xử lý buộc thôi việc, cách chức hoặc tạm đình chỉ công tác thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trước khi ra quyết định kỷ luật phải thông báo bằng văn bản đến Thường trực HĐND.

2. Đại biểu là cán bộ, công chức nhà nước chuyển công tác đi khỏi địa phương nơi đại biểu được bầu thì trước khi ra quyết định chuyển chuyên, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải tham khảo ý kiến của Thường trực, Thường trực báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh và thông báo tới Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cử tri nơi bầu ra đại biểu Hội đồng nhân dân đó biết việc chuyển công tác của đại biểu.

Điều 72.

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực chỉ đạo hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực và các Ban sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 73.

1. Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tạo điều kiện để đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân với Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 74.

1. Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh, các cơ quan khác của nhà nước có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Quy chế này được thông qua tại kỳ họp thứ Hai HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021, có hiệu lực thi hành sau 10 ngày ký ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung không còn phù hợp thì HĐND tỉnh thảo luận sửa đổi, bổ sung, đảm bảo hoạt động của HĐND tỉnh./.